**Phụ lục số 28**

**Nội dung Báo cáo tổng kết hoạt động quản lý quỹ**

*(ban hành kèm theo Thông tư hướng dẫn về việc thành lập và quản lý quỹ mở)*

**BÁO CÁO TỔNG KẾT HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ QUỸ**

**năm 2017**

**1.Thông tin về quỹ**

1. Tên của quỹ, loại hình quỹ: **QUỸ ĐẦU TƯ DOANH NGHIỆP HÀNG ĐẦU VIỆT NAM(VFMVF4)**
2. Mục tiêu đầu tư của quỹ:

Mục tiêu của Quỹ VFMVF4 là tìm kiếm lợi nhuận dài hạn từ tăng trưởng vốn gốc và cổ tức thông qua việc đầu tư vào cổ phiếu của các doanh nghiệp hàng đầu hoạt động trong các ngành cơ bản của nền cơ bản của kinh tế Việt Nam. Các doanh nghiệp đầu tư là các doanh nghiệp giá trị lớn đã và sẽ niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam.

1. Thời hạn hoạt động của quỹ: được tính từ ngày được UBCKNN cấp giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ, và không giới hạn về thời hạn hoạt động
2. Danh mục tham chiếu (benchmark portfolio): không có
3. Chính sách phân chia lợi nhuận: Cổ tức Quỹ có thể được phân phối cho nhà đầu tư mỗi năm một lần dựa trên báo cáo đã được kiểm toán, do đề xuất của công ty quản lý quỹ, được sự chấp thuận của Ban đại diện Quỹ và trình Đại hội nhà đầu tư thông qua. Nguồn để phân phối cổ tức Quỹ phải thỏa mãn các điều kiện qui định trong Điều lệ Quỹ
4. Số lượng đơn vị quỹ đang lưu hành: 40,889,167.69 chứng chỉ Quỹ
5. Nội dung thay đổi tại Điều lệ Quỹ trong kỳ báo cáo: được đề cập trong Nghị quyết Đại hội Nhà đầu tư thường niên năm tài chính 2016 của Quỹ Đầu tư Doanh nghiệp Hàng đầu Việt Nam thông qua bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản ngày 04/04/2017. (chi tiết theo file đính kèm)
6. Nội dung Nghị quyết Đại hội nhà đầu tư trong kỳ báo cáo: được đề cập trong Nghị quyết Đại hội Nhà đầu tư thường niên năm tài chính 2016 của Quỹ Đầu tư Doanh nghiệp Hàng đầu Việt Nam thông qua bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản ngày 04/04/2017. (chi tiết theo file đính kèm)



**i**)Ý kiến nhận xét của Ngân hàng giám sát về các nội dung quy định tại Điều 45 Thông tư hướng dẫn thành lập và quản lý quỹ mở:

Căn cứ vào thư xác nhận của Công ty quản lý quỹ từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 đến ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty quản lý quỹ đã áp ứng đúng các quy định tại điều 45 Thông tư 183/2011/TT-BTC về hướng dẫn thành lập và quản lý quỹ mở về Chế độ báo cáo, lưu trữ hồ sơ, quản lý thông tin.

**2.Báo cáo về kết quả hoạt động của quỹ**

* Thông tin về danh mục đầu tư và giá trị tài sản ròng của quỹ tại thời điểm 31/12 của 3 năm gần nhất:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Cơ cấu tài sản quỹ | **31/12/2017**  **(%)** | **31/12/2016**  **(%)** | **31/12/2015**  **(%)** |
| 1.Danh mục chứng khoán | 83.57% | 70.12% | 84.71% |
| 2.Tài sản khác | 16.43% | 29.88% | 15.29% |
| **Cộng** | **100,00** | **100,00** | **100,00** |

* Danh mục đầu tư của quỹ phân bố theo ngành:

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | **Ngành (%NAV)** | 12/31/2017 | 12/31/2016 | 12/31/2015 | 12/31/2014 |
| 1 | **Thực phẩm, NGK & Thuốc lá** | 13.0 | 14.0 | 16.5 | 11.3 |
| 2 | **Hàng hóa công nghiệp** | 9.3 | 9.7 | 11.4 | 6.6 |
| 3 | **Công nghệ & phần cứng** | 4.0 | 8.3 | 6.9 | 5.7 |
| 4 | **Bất động sản** | 6.0 | 7.5 | 15.9 | 11.3 |
| 5 | **Vận tải** | 11.1 | 7.0 | 9.9 | - |
| 6 | **Ngân hàng** | 17.5 | 5.8 | 11.4 | 6.3 |
| 7 | **Vật liệu** | 8.1 | 5.2 | 8.3 | 13.5 |
| 8 | **Hàng tiêu dùng & Dệt may** | 6.6 | 4.8 | 3.8 | 4.4 |
| 9 | **Bán lẻ** | 14.7 | 4.2 | - | - |
| 10 | **Dược phẩm** | 6.6 | 2.8 | - | - |
| 11 | **Tiện ích công cộng** | - | 2.7 | - | 4.9 |
| 12 | **Ô tô & phụ tùng ô tô** | 1.8 | - | - | 6.7 |
| 13 | **Bảo hiểm** | - | - | - | 2.2 |
| 14 | **Năng lượng** | - | - | - | 5.9 |
| 15 | **Dịch vụ tài chính** | 1.1 | - | 1.4 | 7.0 |
| 16 | **Tiền** | 0.2 | 28.1 | 14.6 | 14.2 |
|  | **Tổng cộng** | 100 | 100 | 100 | 100 |

Tổng lợi nhuận của quỹ, nêu chi tiết phần lợi nhuận thu được từ sự tăng trưởng giá chứng khoán (giá trị lãi vốn) và phần lợi nhuận thu được từ lợi tức chứng khoán (cổ tức, trái tức, lãi suất tiền gửi…) (giá trị thu nhập);

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Chỉ tiêu** | **Số**  **tiền** | | |
| **Năm 2017** | **Năm 2016** | **Năm 2015** |
| 1 | Lợi nhuận thu được từ lợi tức |  |  |  |
| chứng khoán (cổ tức, trái tức, lãi tiền gửi…) | 8,764,501,056 | 10,864,082,871 | 12,963,232,384 |
| 2 | Lợi nhuận do đánh giá lại | 76,125,300,018 | 4,068,179,633 | 4,698,206,061 |
| 3 | Lợi nhuận do bán chứng khoán | 93,247,942,077 | 37,970,217,787 | 51,199,047,445 |
| 4 | Tổng chi phí phát sinh trong kỳ | 11,128,293,272 | **8,519,765,362** | **9,357,129,589** |
|  | **Trong đó:** |  |  |  |
| **Chi phí hoạt động** | **9,126,565,416** | 7,612,091,445 | 7,661,641,621 |
| **Chi**  **phí đầu tư** | **2,001,727,856** | 907,673,916 | 1,695,487,968 |
|  | **Tổng lợi nhuận của quỹ** | **167,009,449,879** | **44,382,714,929** | **59,503,356,301** |

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Chỉ tiêu** | **31/12/2017** | **31/12/2016** |
| 1 | Giá trị tài sản ròng của Quỹ | 748,780,391,098 | 349,080,267,291 |
| 2 | Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ | 18,312.43 | 12,525,86 |
| 3 | Số lượng chứng chỉ Quỹ đang lưu hành (ccq) | 40,889,167.69 | 27,868,756,20 |
| 4 | Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ cao nhất trong kỳ báo cáo | 18,312.43 | 13,226.44 |
| 5 | Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ thấp nhất trong kỳ báo cáo | 12,524.51 | 10,015.55 |

-Lợi nhuận đã phân phối trên một đơn vị quỹ (giá trị thuần và giá trị gộp) trong kỳ báo cáo, kể cả trong trường hợp chi trả bằng tiền mặt hoặc chi trả bằng đơn vị quỹ: không có

-Thời điểm phân chia lợi nhuận: không có

- Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ trước và sau thời điểm phân chia lợi nhuận: không có

-Tỷ lệ chi phí hoạt động của quỹ và thuyết minh về việc chênh lệch chi phí hoạt động của quỹ.

-Tỷ lệ chi phí hoạt động năm 2017 là 2**.28%**

-Tỷ lệ chi phí hoạt động năm 2016 là 2**.37%**

-Tốc độ vòng quay danh mục và thuyết minh về việc chênh lệch tốc độ vòng quay của danh mục:

-Tốc độ vòng quay danh mục năm 2017: 168.91% trong khi đó tốc độ vòng quay danh mục cùng kỳ năm 2016 là 95.87%

Nguyên nhân của sự thay đổi này đến từ việc tổng giá trị tài sản ròng của quỹ VF4 cao hơn cùng kỳ năm 2016

Trong năm 2017, quỹ có lượng tiền góp vốn và rút vốn khá cao dẫn đến việc quỹ phải mua thêm/bán bớt cổ phiếu trong danh mục đảm bảo lợi ích cho nhà đầu tư. Từ đó dẫn đến việc tốc độ vòng quay danh mục tăng so với cùng kỳ năm trước.

a) Chỉ tiêu về lợi nhuận của quỹ:

-Tổng lợi nhuận quỹ phát sinh trong kỳ báo cáo năm 2017: **167,009,449,879** đồng. Tổng lợi nhuận phát sinh năm 2016 là: **44,382,714,929**đồng

b) Các chỉ tiêu so sánh khác, bảo đảm tuân thủ nguyên tắc:

* Phương thức, nguyên tắc xác định giá trị tài sản, giá trị lợi nhuận là thống nhất, đã được công bố và được thẩm định bởi một tổ chức độc lập khác.

Nguyên tắc xác định giá trị tài sản của Quỹ được quy định chi tiết trong Điều lệ Quỹ và sổ tay định giá của Quỹ;

* Dữ liệu được cung cấp bởi một tổ chức độc lập: bảng báo giá chứng khoán được cung cấp bởi 3 Công ty Chứng khoán độc lập của Quỹ và được Ban Đại diện phê duyệt hàng năm.

c) Báo cáo đã nêu rõ khuyến cáo rằng các thông tin về kết quả hoạt động của quỹ trước đây chỉ mang tính tham khảo và không có nghĩa là việc đầu tư sẽ bảo đảm khả năng sinh lời cho nhà đầu tư.

**3. Báo cáo về hoạt động quản lý tài sản của Công ty quản lý quỹ**

Báo cáo về hoạt động quản lý tài sản của Công ty quản lý quỹ phải bao gồm các nội dung sau:

1. Thuyết minh về việc thay đổi Công ty quản lý quỹ: không có.
2. Thuyết minh về việc quỹ có đạt được mục tiêu đầu tư (thuyết minh này chỉ cần thiết tại báo cáo hàng năm của quỹ): không có
3. So sánh kết quả lợi nhuận của quỹ với kết quả lợi nhuận của danh mục tham chiếu, chỉ số cơ sở công bố tại Bản cáo bạch trong cùng kỳ báo cáo (bằng đồ thị): không có danh mục tham chiếu

So sánh kết quả lợi nhuận của quỹ với kết quả lợi nhuận của danh mục tham chiếu, chỉ số cơ sở công bố tại Bản cáo bạch trong khoảng thời gian năm (05) năm gần nhất, tính tới ngày báo cáo (bằng đồ thị): không có danh mục tham chiếu

d)Mô tả chiến lược, chiến thuật đầu tư mà quỹ đã sử dụng trong kỳ báo cáo. Trường hợp có sự khác biệt giữa chiến lược, chiến thuật đầu tư thực hiện trong kỳ so với chiến lược, chiến thuật đầu tư đã công bố tại Bản cáo bạch, thì phải bổ sung thuyết minh và đánh giá ưu, nhược điểm của chiến lược, chiến thuật đầu tư đã thực hiện trong kỳ:

Chiến lược đầu tư của Quỹ VFMVF4 là đầu tư năng động vào các loại chứng khoán vốn của các doanh nghiệp hàng đầu hoạt động trong các ngành cơ bản, chủ đạo của nền kinh tế Việt Nam. Những doanh nghiệp này hoạt động trong các lĩnh vực, ngành nghề bao gồm (nhưng không giới hạn) như: thực phẩm & nước giải khát, hàng tiêu dùng, bán lẻ, năng lượng, vật liệu - khai khoáng, dịch vụ tài chính, ngân hàng, viễn thông, cơ sở hạ tầng - bất động sản… Các doanh nghiệp này có cổ phiếu đã hoặc sẽ niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam. Tỷ trọng đầu tư vào chứng khoán vốn của Quỹ VF4 có thể đạt tới 100% tổng tài sản của Quỹ.

e) Mô tả sự khác biệt về cơ cấu danh mục đầu tư của quỹ tại thời điểm báo cáo, so với danh mục đầu tư của quỹ năm liền kề năm báo cáo:

Trong năm 2017, Quỹ có thay đổi cơ cấu danh mục nhằm nắm bắt xu hướng tăng trưởng của thị trường và đem lại lợi nhuận cho Quỹ.

Về cơ cấu tài sản theo loại tài sản, Quỹ đã giải ngân nhiều vào các cổ phiếu OTC chuẩn bị niêm yết nhằm tận dụng cơ hội thị trường mang lại đối với những cổ phiếu mới

Về cơ cấu tài sản theo ngành, theo phân loại Global Industry Classification Standard (GICS), Quỹ đã tăng tỷ trọng ngành Ngân Hàng, Bán Lẻ, Vận Tải và Vật Liệu lên đáng kể so với cùng kỳ năm trước. Quỹ cũng giảm tỷ trọng đáng kể đối với những ngành như Dược Phẩm, và Tiện Ích Công Cộng trong cùng thời gian.

f) Phân tích kết quả hoạt động của quỹ dựa trên việc so sánh giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ (sau khi đã điều chỉnh phần lợi nhuận đã phân phối, tại kỳ báo cáo này tại kỳ báo cáo gần nhất:

Đến hết ngày 31/12/2017, NAV/ccq của VF4 đạt 18,312.44, tăng 46,2% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, các ngành đóng góp chính vào tăng trưởng của VF4 bao gồm: Dệt May và Thiết Bị Tiêu Dùng (+111,1%), Bán Lẻ (+69,3%) và Dược Phẩm (+71,5%)

i) Đánh giá biến động của các thị trường trong kỳ báo cáo, kể cả thị trường nước ngoài, mà quỹ đầu tư vào, thông tin về lợi nhuận đầu tư đối với từng loại tài sản: cổ phiếu, cổ phiếu blue-chip, cổ phiếu các công ty có mức vốn hóa thấp (small- cap):

Từ ngày 31/12/2016 đến 31/12/2017, chỉ số VN-Index tăng 48,0%, đóng góp chủ yếu nhờ các ngành như Vận Tải (+76,7%), Dịch Vụ Tài Chính (+65,5%) và Bán Lẻ (+62,3%). Thanh khoản thị trường cũng tăng trưởng mạnh với tổng giá trị giao dịch trên HoSE đạt hơn 1 triệu tỷ đồng, tăng 72,4% so với cùng kỳ năm trước. Tổng giá trị vốn hoá của thị trường chứng khoán đạt trên 70% GDP do nhiều công ty có vốn hoá lớn niêm yết như VietJet, Vincom Retail và ACV. Nhà đầu tư nước ngoài đã đẩy mạnh mua ròng hơn 1,8 tỷ đô trên thị trường chứng khoán, gấp 6,5 lần so với cùng kỳ năm 2016. Trong đó, tổng giá trị mua ròng trái phiếu là 750 triệu đô và cổ phiếu là 1,1 tỷ đô. Nếu tính các thương vụ thoái vốn nhà nước tại Vinamilk, Sabeco thì tổng giá trị mua ròng của nhà đầu tư nước ngoại đạt hơn 7 tỷ đô.

j) Thông tin về việc chia, tách đơn vị quỹ trong kỳ; ảnh hưởng của việc chia tách đơn vị quỹ và giá trị tài sản ròng trên từng đơn vị quỹ (trước và sau khi chia, tách) : không có

k) Các trường hợp có ảnh hưởng tới quyền lợi của nhà đầu tư nắm giữ chứng chỉ quỹ: không có

l) Thông tin về các giao dịch với người có quyền lợi liên quan : không có

**4. Báo cáo về hoạt động giám sát của Ngân hàng giám sát:**

Thời gian giám sát hoạt động Quỹ: từ 01/01/2017 đến 31/12/2017

Ngân hàng giám sát phải đưa ra ý kiến về sự tuân thủ quy định pháp luật, quy định tại Điều lệ quỹ, Bản cáo bạch của Công ty quản lý quỹ VFM trong quá trình vận hành và quản lý quỹ Đầu tư Doanh nghiệp hàng đầu Việt Nam (VFMVF4) đối với các nội dung sau:

1. *Thuyết minh về việc thay đổi Ngân hàng giám sát (nếu có):* từ 01 tháng 01 năm 2017 đến ngày 31 tháng 12 năm 2017, Quỹ không thay đổi Ngân hàng giám sát.
2. *Việc đầu tư tuân thủ các hạn chế về đầu tư, hạn chế về vay theo quy định pháp luật, quy định tại Điều lệ quỹ, Bản cáo bạch :* trong quá trình giám sát hoạt động đầu tư và các giao dịch tài sản của quỹ Đầu tư Doanh nghiệp hàng đầu Việt Nam (VFMVF4) trong năm 2017, hạn mức đầu tư của Quỹ đã phát sinh sai lệch so với quy định tại các văn bản pháp luật chứng khoán hiện hành về quỹ mở, Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch của Quỹ và văn bản pháp luật có liên quan, cụ thể như sau:

* Theo Mục f, Khoản 10, Điều 1, Thông tư 15/2016/TT-BTC (“Thông tư 15”) sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 183/2011/TT-BTC ngày 16 tháng 12 năm 2011 và Điều 11, Điều lệ Quỹ quy định: “Tổng giá trị các hạng mục đầu tư lớn trong danh mục đầu tư của Quỹ không được vượt quá bốn mươi phần trăm (40%) tổng giá trị tài sản của quỹ”. Trường hợp phát sinh sai lệch, Công ty quản lý quỹ phải điều chỉnh lại danh mục để đáp ứng quy định pháp luật trong thời gian cho phép.

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Kỳ định giá | Tổng giá trị các hạng mục đầu tư lớn trong danh mục đầu tư của quỹ | Thời hạn khắc phục theo quy định | Ngày khắc phục | Tuân thủ Quy định |
| 21/2/2017 | 47.23% | 21/5/2017 | 24/2/2017 | Tuân thủ |
| 22/2/2017 | 41.75% | 21/5/2017 | 24/2/2017 |
| 23/2/2017 | 41.76% | 21/5/2017 | 24/2/2017 |
| 17/3/2017 | 41.44% | 17/6/2017 | 29/3/2017 |
| 20/3/2017 | 41.43% | 17/6/2017 | 29/3/2017 |
| 21/3/2017 | 46.24% | 17/6/2017 | 29/3/2017 |
| 22/3/2017 | 45.76% | 17/6/2017 | 29/3/2017 |
| 23/3/2017 | 40.05% | 17/6/2017 | 29/3/2017 |
| 24/3/2017 | 40.16% | 17/6/2017 | 29/3/2017 |
| 27/3/2017 | 40.38% | 17/6/2017 | 29/3/2017 |
| 28/3/2017 | 40.28% | 17/6/2017 | 29/3/2017 |
| 30/3/2017 | 40.23% | 30/6/2017 | 10/4/2017 |
| 31/3/2017 | 41.22% | 30/6/2017 | 10/4/2017 |
| 31/3/2017(\*) | 40.68% | 30/6/2017 | 10/4/2017 |
| 3/4/2017 | 40.68% | 30/6/2017 | 10/4/2017 |
| 4/4/2017 | 40.68% | 30/6/2017 | 10/4/2017 |
| 5/4/2017 | 40.82% | 30/6/2017 | 10/4/2017 |
| 7/4/2017 | 40.55% | 30/6/2017 | 10/4/2017 |
| 14/6/2017 | 41.54% | 14/9/2017 | 15/6/2017 |
| 21/6/2017 | 43.80% | 21/9/2017 | 26/6/2017 |
| 22/6/2017 | 44.09% | 21/9/2017 | 26/6/2017 |
| 23/6/2017 | 44.22% | 21/9/2017 | 26/6/2017 |

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Kỳ định giá | Tổng giá trị các hạng mục đầu tư lớn trong danh mục đầu tư của quỹ | Thời hạn khắc phục theo quy định | Ngày khắc phục | Tuân thủ Quy định |
| 23/6/2017 | 44.22% | 21/9/2017 | 26/6/2017 | Tuân thủ |
| 17/07/2017 | 43.07% | 17/10/2017 | 26/07/2017 |
| 18/07/2017 | 42.72% | 17/10/2017 | 26/07/2017 |
| 19/07/2017 | 43.63% | 17/10/2017 | 26/07/2017 |
| 20/07/2017 | 43.01% | 17/10/2017 | 26/07/2017 |
| 21/07/2017 | 42.94% | 17/10/2017 | 26/07/2017 |
| 24/07/2017 | 41.71% | 17/10/2017 | 26/07/2017 |
| 25/07/2017 | 40.59% | 17/10/2017 | 26/07/2017 |
| 27/07/2017 | 40.67% | 27/10/2017 | 10/08/2017 | Tuân thủ |
| 28/07/2017 | 41.26% | 27/10/2017 | 10/08/2017 |
| 31/07/2017 | 41.57% | 27/10/2017 | 10/08/2017 |
| 31/07/2017(\*) | 41.45% | 27/10/2017 | 10/08/2017 |
| 02/08/2017 | 41.03% | 27/10/2017 | 10/08/2017 |
| 03/08/2017 | 40.60% | 27/10/2017 | 10/08/2017 |
| 04/08/2017 | 40.29% | 27/10/2017 | 10/08/2017 |
| 07/08/2017 | 40.67% | 27/10/2017 | 10/08/2017 |
| 08/08/2017 | 41.01% | 27/10/2017 | 10/08/2017 |
| 09/08/2017 | 40.18% | 27/10/2017 | 10/08/2017 |

(\*) Tại ngày

Tại các thời điểm phát sinh sai lệch, Ngân hàng TNHH MTV Standard Chartered (Việt Nam) ("SCBVL") đã gửi công văn tới Công ty Quản lý Quỹ để thông báo về tình trạng phát sinh sai lệch đồng thời kiến nghị Công ty Quản lý Quỹ có những biện pháp quản lý và điều chỉnh cơ cấu danh mục đầu tư của Quỹ để đáp ứng các hạn mức đầu tư trong thời hạn quy định theo Thông tư và Điều lệ Quỹ.

Công ty quản lý quỹ đã thực hiện điều chỉnh danh mục đầu tư để đáp ứng hạn mức đầu tư theo quy định pháp luật trong thời gian cho phép đối với các trường hợp phát sinh sai lệch nêu trên.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cơ cấu danh mục đầu tư của Quỹ đã tuân thủ quy định tại Mục f, Khoản 10, Điều 1, Thông tư 15 và Điều 11, Điều lệ Quỹ.

* Theo Mục e, Khoản 10, Điều 1, Thông tư 15 và Điều 11, Điều lệ Quỹ quy định: “ Quỹ không được đầu tư quá mười phần trăm (10%) tổng giá trị tài sản của quỹ vào cổ phiếu, trái phiểu chuẩn bị niêm yết, chuẩn bị đăng ký giao dịch phát hành bởi các tổ chức hoạt động theo pháp luật Việt Nam; trái phiếu doanh nghiệp phát hành bởi các tổ chức niêm yết có bảo lãnh thanh toán của tổ chức tín dụng hoặc cam kết mua lại của tổ chức phát hành”. Trường hợp phát sinh sai lệch, Công ty quản lý quỹ phải điều chỉnh lại danh mục để đáp ứng quy định pháp luật trong thời gian cho phép.

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Kỳ định giá | Tổng giá trị tài sản của quỹ vào cổ phiếu, trái phiểu chuẩn bị niêm yết | Thời hạn khắc phục theo quy định | Ngày khắc phục | Tuân thủ Quy định |
| 19/07/2017 | 10.16% | 19/10/2017 | 24/07/2017 | Tuân thủ |
| 20/07/2017 | 10.02% | 19/10/2017 | 24/07/2017 |
| 21/07/2017 | 10.03% | 19/10/2017 | 24/07/2017 |
| 08/12/2017 | 10.46% | 08/03/2018 | 19/12/2017 |
| 11/12/2017 | 10.55% | 08/03/2018 | 19/12/2017 |
| 12/12/2017 | 10.87% | 08/03/2018 | 19/12/2017 |
| 13/12/2017 | 10.93% | 08/03/2018 | 19/12/2017 |
| 14/12/2017 | 10.97% | 08/03/2018 | 19/12/2017 |
| 15/12/2017 | 10.30% | 08/03/2018 | 19/12/2017 |
| 18/12/2017 | 10.30% | 08/03/2018 | 19/12/2017 |

Tại các thời điểm phát sinh sai lệch, Ngân hàng TNHH MTV Standard Chartered (Việt Nam) ("SCBVL") đã gửi công văn tới Công ty Quản lý Quỹ để thông báo về tình trạng phát sinh sai lệch đồng thời kiến nghị Công ty Quản lý Quỹ có những biện pháp quản lý và điều chỉnh cơ cấu danh mục đầu tư của Quỹ để đáp ứng các hạn mức đầu tư trong thời hạn quy định theo Thông tư và Điều lệ Quỹ.

Công ty quản lý quỹ đã thực hiện điều chỉnh danh mục đầu tư để đáp ứng hạn mức đầu tư theo quy định pháp luật trong thời gian cho phép đối với các trường hợp phát sinh sai lệch nêu trên.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cơ cấu danh mục đầu tư của Quỹ đã tuân thủ quy định tại Mục e, Khoản 10, Điều 1, Thông tư 15 và Điều 11, Điều lệ Quỹ.

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 đến ngày 31 tháng 12 năm 2017, Quỹ không có bất kỳ hợp đồng vay và cho vay.

1. *Việc xác định giá, đánh giá tài sản ròng của Quỹ:* việc xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ đã tuân thủ theo quy định pháp luật, quy định tại Điều lệ quỹ, Bản cáo bạch và các văn bản pháp luật có liên quan.
2. *Việc phát hành bổ sung chứng chỉ quỹ, mua lại chứng chỉ quỹ:* việc phát hành bổ sung chứng chỉ quỹ, mua lại chứng chỉ quỹ được tuân thủ theo quy định pháp luật liên quan hiện hành, quy định tại Điều lệ quỹ, Bản cáo bạch.

Từ ngày 01/01/2017 ngày 31/12/2017, Quỹ đã thực hiện:

* Phát hành thêm chứng chỉ Quỹ: phát hành thêm 51.020.801,20 chứng chỉ Quỹ tương ứng với tổng giá trị phát hành theo mệnh giá là 510.208.012.000 đồng.
* Mua lại chứng chỉ Quỹ: mua lại 38.000.389,71 chứng chỉ Quỹ tương ứng với tổng giá trị mua lại theo mệnh giá là 380.003.897.100 đồng.

*e) Việc phân chia lợi nhuận của quỹ:* từ ngày 01/01/2017 đến ngày 31/12/2017, Quỹ không thực hiện phân phối lợi nhuận cho nhà đầu tư.

**5. Báo cáo về hoạt động ủy quyền**

Báo cáo đánh giá chất lượng dịch vụ cung cấp bởi các tổ chức khác (bên nhận ủy quyền), như dịch vụ đại lý chuyển nhượng, dịch vụ quản trị quỹ, dịch vụ xác định giá trị tài sản ròng...với các nội dung sau:

1. Chi phí phải trả cho bên nhận ủy quyền so với lợi nhuận, thu nhập, tổng chi phí hoạt động của quỹ;

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Chỉ tiêu** | **Tỷ lệ so với lợi nhuận** | **Tỷ lệ so với chi phí hoạt động** | **Tỷ lệ so với thu nhập** |
| **Chi phí dịch vụ đại lý chuyển nhượng** | 0.06% | 1.16% | 0.06% |
| **Chi phí dịch vụ Quản trị Quỹ** | 0.08% | 1.45% | 0.07% |

b) Các ảnh hưởng của hoạt động ủy quyền tới lợi nhuận, mức độ rủi ro của quỹ: Chỉ làm tăng chi phí nhưng không đáng kể, hạn chế tối thiểu mức độ rủi ro ảnh hưởng đến hoạt động của Quỹ

c) Tổng chi phí các hoạt động ủy quyền phải trả cho bên nhận ủy quyền (trường hợp bên nhận ủy quyền cung cấp nhiều dịch vụ cho công ty quản lý quỹ);

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **Chỉ tiêu** | **Số tiền** |
| 1 | Chi phí dịch vụ Đại lý chuyển nhượng | 105,948,854 |
| 2 | Chi phí dịch vụ Quản trị Quỹ | 131,919,206 |
|  | **Tổng chi phí các hoạt động uỷ quyền của Quỹ** | 237,868,060 |

d) Đánh giá khả năng duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro, tính bảo mật, hạ tầng cơ sở vật chất kỹ thuật, hệ thống dự phòng nóng, hệ thống dư phòng thảm họa... của bên nhận ủy quyền, bảo đảm hoạt động ủy quyền được thực hiện thông suốt, không gây ảnh hưởng tới hoạt động đầu tư của nhà đầu tư : Tốt

|  |  |
| --- | --- |
|  | **Tổng Giám đốc Công ty Quản lý quỹ**  **TRẦN THANH TÂN** |